

Biểu đồ giá



Thông tin cổ phiếu vào ngày 23/08/2010

Giá CP (đồng)	42,100
Số lượng niêm yết hiện tại	210,508,215
Số lượng CP đang lưu hành	210,508,215
Giá cao nhất trong 52 tuần	75,000
Giá thấp nhất trong 52 tuần	41,500
Thay đổi giá trong 3 tháng	-14.1%
Thay đổi giá trong 6 tháng	-27.4%
Thay đổi giá trong 12 tháng	-41.8%
Khối lượng CP giao dịch tự do	105,190,955
Giá trị giao dịch (triệu đồng)	27,200
(GTTB trong 5 ngày GD gần nhất)	
GT vốn hóa t.t (triệu đồng)	8,862,396
GT vốn hóa t.t (triệu USD)	466
Số lượng được phép sở hữu	103,149,025
Số lượng còn được phép mua	44,196,128
% sở hữu nước ngoài	28.01%
% giới hạn sở hữu nước ngoài	49%

Nguồn: PVD

Chỉ tiêu

Đơn vị: triệu đồng	2008	2009
Tổng tài sản	8,632,863	12,368,345
Nguồn vốn CSH	2,113,824	4,225,407
Doanh thu	3,728,746	4,096,780
Lợi nhuận trước thuế	928,748	925,935
Lợi nhuận sau thuế	922,259	814,612

Chỉ số	2008	2009
Khả năng thanh khoản		
Hệ số thanh toán hiện thời	0.53	1.03
Hệ số thanh toán nhanh	0.49	0.90
Khả năng sinh lời		
Lợi nhuận biên gộp	30.8%	14.7%
Lợi nhuận biên sau thuế	31.2%	12.9%
ROE	46.1%	25.6%
ROA	14.2%	7.8%
Hiệu quả hoạt động		
Vòng quay khoản phải thu	3.58	3.72
Vòng quay hàng tồn kho	22.90	11.52
Vòng quay tổng tài sản	0.58	0.39
Vòng quay vốn CSH	1.87	1.29

Nguồn: PVD

Chuyên viên phân tích - Trương Thu Mỹ
(84 4) 3 9334693
my.tt@hsc.com.vn

Mô hình dự báo lợi nhuận

Đơn vị: triệu đồng	FY2009	y/y	FY2010F	y/y	FY2011F	y/y
Doanh thu	4,096,780	9.9%	7,193,173	75.6%	8,100,927	12.6%
LN trước thuế	925,935	-0.3%	1,055,871	14.0%	1,406,115	33.2%
LN sau thuế	814,612	-9.4%	930,259	14.2%	1,233,383	32.6%
Tỷ suất LN trước thuế	22.6%	-9.3%	15%	-35.1%	17%	18.2%
Tỷ suất LN sau thuế	20.0%	-17.6%	13%	-35.0%	15%	17.7%
EPS	5,865	-18.3%	4,403	-24.9%	5,838	32.6%
BVPS	19,410	29.1%	16,070	-17.2%	19,939	24.1%
P/E	7.2		9.6		7.2	
P/B	2.2		2.6		2.1	
PB (theo thị giá)						
Đơn vị: triệu đồng	FY2012F	y/y	FY2013F	y/y	FY2014F	y/y
Doanh thu	10,628,105	31.2%	11,685,470	9.9%	12,850,700	10.0%
LN trước thuế	2,217,089	57.7%	2,369,908	6.9%	2,517,277	6.2%
LN sau thuế	1,943,496	57.6%	2,077,443	6.9%	1,897,304	-8.7%
Tỷ suất LN trước thuế	21%	20.2%	20%	-2.8%	20%	-3.4%
Tỷ suất LN sau thuế	18%	20.1%	18%	-2.8%	15%	-17.0%
EPS	8,472	45.1%	9,277	9.5%	8,502	-8.4%
BVPS	21,328	7.0%	20,596	-3.4%	22,869	11.0%
P/E	5.0		4.5		5.0	
P/B	2.0		2.0		1.8	
PB (theo thị giá)						

Nguồn: PVD, HSC ước tính

CTCP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD - HoSE)
– KQKD 6 tháng và dự phóng cả năm - Lập lại khuyến nghị MUA

- Trong 6 tháng đầu năm, PVD đã vượt kế hoạch với 6 giàn khoan đang hoạt động (3 giàn khoan của PVD và 3 giàn khoan thuê ngoài). Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận gộp giảm do các các giàn khoan thuê ngoài có tỷ suất lợi nhuận thấp.
- Đã có những dấu hiệu cho thấy giá cho thuê giàn khoan đã tạo đáy và có thể sẽ tăng lên trong một vài quý tới. Trong khi đó, lãi suất đồng USD vẫn chưa có dấu hiệu tăng, do đó chi phí lãi vay USD sẽ không ảnh hưởng đến lợi nhuận của PVD.
- Với tất cả các giàn khoan của PVD đều đã có hợp đồng thì trong 6 tháng cuối năm kết quả kinh doanh của công ty sẽ khả quan hơn so với 6 tháng đầu năm. Và lần đầu tiên, P/E dự phóng của cổ phiếu PVD đã xuống mức hợp lý là 9.7x dựa trên EPS dự phóng của chúng tôi với triển vọng lợi nhuận tốt trong tương lai.
- Là một công ty được quản lý tốt với vị Tổng giám đốc mới bổ nhiệm nhưng có nhiều kinh nghiệm, theo chúng tôi, PVD tiếp tục là một cổ phiếu nên nắm giữ dài hạn. Giá cổ phiếu này hiện đang ở mức thấp nhất từ trước tới nay và các nhà đầu tư dài hạn nên bắt đầu mua vào.

KQKD 6 tháng đầu năm

	1H FY2009	1H FY2010	% y/y	Kế hoạch năm 2010	% Hoàn thành kế hoạch
Doanh thu thuần	1,804,750	3,246,848	80%	5,100,000	64%
Giá vốn hàng bán	-1,147,329	-2,460,178	114%		
Lợi nhuận gộp	657,421	786,669	20%		
Doanh thu tài chính	88,624	88,403	0%		
Chi phí tài chính	-89,366	-236,802	165%		
Doanh thu tài chính thuần	-742	-148,399			
Chi phí quản lý và bán hàng	-100,247	-159,394	59%		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	556,432	478,876	-14%		
Lợi nhuận trước thuế	626,775	475,696	-24%	900,000	53%
Lợi nhuận sau thuế	563,802	417,631	-26%	810,000	52%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	36.4%	24.2%			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	34.7%	14.7%		17.6%	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	31.2%	12.9%		15.9%	

- PVD đã công bố kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm với doanh thu và lợi nhuận thuần lần lượt hoàn thành 60% và 52.3% kế hoạch năm. Với 6 giàn khoan tự nâng có hợp đồng trong 6 tháng cuối năm, chúng tôi cho rằng kết quả kinh doanh 6 tháng cuối năm sẽ đạt cao hơn 6 tháng đầu năm và công ty nhiều khả năng sẽ vượt kế hoạch kinh doanh đặt ra cho cả năm.
- Trong 6 tháng đầu năm 2010, PVD công bố doanh thu là 3,247 tỷ đồng, tăng 79.9% so với cùng kỳ năm ngoái nhờ việc có thêm 3 giàn khoan được cho thuê trong 6 tháng cuối năm 2010. Tuy nhiên, lợi nhuận thuần của công ty đạt 418 tỷ đồng, giảm 25.9%. Doanh thu từ dịch vụ khoan chiếm hơn 52% trong doanh thu cả PVD trong 6 tháng đầu năm 2010, các dịch vụ liên quan đến hoạt động khoan chiếm 35.5% trong doanh thu, còn lại từ mảng thương mại.
- Trong Q1/2010, các giàn khoan của PVD có hiệu suất sử dụng khá thấp. Trong 3 giàn khoan của mình, PVD đã tiến hành bảo dưỡng giàn PVD 1 trong toàn bộ tháng 2, giàn PVD 2 ngừng hoạt động trong tháng 1 và tháng 2 do điều kiện thời tiết diễn biến bất thường khiến PVD không thể đưa giàn khoan này đến các giếng khoan dầu của Lam Sơn JOC và chỉ có PVD 3 hoạt động toàn thời gian cho Vietsopetro từ ngày 26/1. Tuy nhiên, vào Q2/2010 tình hình đã khả quan hơn, hiện giờ cả 3 giàn khoan đều hoạt động toàn thời gian. Ngoài ra, từ cuối Q1/2010, PVD đã thuê 3 giàn khoan là Topaz Driller, Offshore Resolute, và Maersk Convince của các công ty vận hành giàn khoan và sau đó cho các công ty khai thác dầu trong nước thuê lại trọn gói bao gồm cả đội ngũ vận hành giàn khoan và một số dịch vụ liên quan đến hoạt động khoan. Doanh thu từ 3 giàn khoan thuê ngoài này cùng với doanh thu cao hơn từ các giàn khoan của công ty kể từ Q2/2010 đã giúp làm tăng lợi nhuận từ dịch vụ khoan trong 6 tháng đầu năm 2010 lên 1.8 nghìn tỷ đồng, gần bằng 3 lần so với cùng kỳ năm 2009.
- Các dịch vụ liên quan đến hoạt động khoan cũng tăng trưởng mạnh với tốc độ 48.8% nhờ hoạt động tham dò khai thác được tăng cường và PVD có khả năng cung cấp các dịch vụ trọn gói đi kèm với các giàn khoan cho thuê. PVD đã ký hợp đồng cung cấp các dịch vụ trọn gói đầu tiên cho Hoàn Vũ JOC kể từ đầu tháng 4/2010, bao gồm cho thuê giàn khoan tự nâng Offshore Resolute và các dịch vụ đi kèm như trát xi-măng giếng khoan, khoan định hướng và hoàn thiện phục vụ cho dự án tại ở lô 9-2 tại mỏ Cửu Long. Đây là mô hình theo đó, công ty sẽ cung cấp dịch vụ cho các khách hàng trong tương lai và đánh dấu việc PVD trở thành một công ty cung cấp dịch vụ trọn gói.
- Về tỷ suất lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận gộp trong 6 tháng đầu năm đạt 24.2% (cùng kỳ 2009 đạt 36.4%). Trong đó, tỷ suất lợi nhuận từ các dịch vụ liên quan đến hoạt động khoan là 24%, đạt xấp xỉ mức của cùng kỳ năm 2009; trong khi của dịch vụ khoan là 29% (1H/2009 là 69%). Tỷ suất lợi nhuận gộp của dịch vụ khoan giảm do (1) giá cho thuê giàn khoan bình quân trong 6 tháng đầu năm 2010 giảm khoản 40% so với trong 6 tháng đầu năm 2009 do giá giàn khoan thế giới giảm kể từ đầu năm 2009; (2) 3 giàn khoan thuê ngoài (đóng góp 20% vào doanh thu của PVD trong 6 tháng đầu năm 2010) có tỷ suất lợi nhuận chỉ đạt khoảng 20%, thấp hơn nhiều so với mức 50% của các giàn khoan của PVD.
- Bước vào 6 tháng cuối năm, toàn bộ 3 giàn khoan của PVD đã được ký hợp đồng thuê dài hạn: Giàn

PVD 1 vừa mới đưa vào hoạt động theo một hợp đồng có thời hạn 3 năm ký với Hoàng Long JOC; PVD 2 đã được ký hợp đồng cho thuê thời hạn 6 tháng với Petronas, tới đầu Q1 năm 2011, PVD 3 đã ký hợp đồng cho thuê thời hạn 3 năm với Viets-ovpetro. Các giàn khoan thuê ngoài do PVD quản lý đang được cho thuê theo các hợp đồng ngắn hạn. Giá cho thuê của tất các giàn khoan này nằm trong phạm vi từ 125,000-140,000 USD/ngày, xấp xỉ bằng giá cho thuê giàn khoan trong Q2/2010.

- Về hiệu suất sử dụng, chúng tôi cho rằng hiệu suất sử dụng của các giàn khoan của vẫn ở mức cao, đạt khoảng 90% do mối quan hệ gần gũi của PVD với tập đoàn Dầu khí. Đối với các giàn khoan thuê ngoài, thông thường PVD sẽ đi thuê theo thời hạn của các hợp đồng mà PVD có được với các nhà thầu dầu khí trong nước; chúng tôi dự báo trên cơ sở thận trọng là trong 6 tháng cuối năm 2010, tổng thời gian mà 3 giàn khoan thuê ngoài này phục vụ cho các hợp đồng của PVD là khoảng 300 ngày.
- Về dài hạn, chúng tôi khá lạc quan về hoạt động kinh doanh của PVD vì chúng tôi cho rằng thị trường cho thuê giàn khoan hiện tại đang ở điểm thấp nhất của chu kỳ cầu và giá; và giá thuê cho thuê giàn khoan sẽ tăng các hoạt động thăm dò và khai thác mở rộng và hấp thụ nguồn cung mới. Giá cho thuê giàn khoan tự nâng trong khu vực gần đây đã có dấu hiệu chạm đáy với giá cho thuê của những hợp đồng mới ký cho giàn tự nâng hơn 300 feet đã ổn định ở mức 130,000-135,000 USD/ngày.

Chúng tôi cho rằng các giàn khoan của PVD sẽ có hiệu suất sử dụng cao trong khoảng chục năm tới nhờ chiến lược của Tập đoàn Dầu khí dự kiến khai thác khoảng 900 giếng trong 15 năm tới. Hầu hết dịch vụ cho thuê giàn khoan trước tiên sẽ do PVD (một thành viên của Tập đoàn Dầu khí) đảm nhiệm. Tổng giám đốc PVD, ông Đỗ Văn Khánh hiện tại đã trở thành Chủ tịch Hội đồng thành viên của PVEP, là khách hàng lớn nhất của PVD.

- HSC giả định nhu cầu đối với các dịch vụ khác ngoài khoan sẽ tăng trưởng với tốc độ bình quân gộp là 25%/năm với tỷ suất lợi nhuận gộp là khoảng 24-25% do hoạt động thăm dò và khai thác của Tập đoàn Dầu khí tăng mạnh trong những năm tới; bên cạnh đó là khả năng cung cấp dịch vụ trọn gói đi kèm với các giàn khoan cho thuê của PVD.
- Trong năm 2010, chúng tôi dự báo PVD sẽ đạt doanh thu khoảng 7.2 nghìn tỷ đồng (tăng 75.8%) và lợi nhuận thuần đạt 930 tỷ đồng (tăng 14.2%), EPS đạt 4,450đ. Với mức giá ngày hôm nay là 42,100đ, P/E dự phóng của cổ phiếu PVD đạt 9.7 lần. Giá của PVD hiện sát với mức thấp nhất từ trước đến nay và với triển vọng phát triển tốt về trung hạn, đây là mức giá khá hấp dẫn cho các nhà đầu tư dài hạn bắt đầu mua vào. Trên thực tế, sự lo ngại chính của chúng tôi là mức độ vay nợ của PVD cao; nhưng nếu lãi suất của đồng USD giữ ổn định thì hoạt động kinh doanh của công ty sẽ không bị tác động nhiều bởi các khoản nợ của mình.

SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

BÁO CÁO CẬP NHẬT

Thứ hai, ngày 23 tháng 08 năm 2010

Báo cáo KQHĐKD năm (Đơn vị tính: triệu đồng)	2007	y/y%	2008	y/y%	2009	y/y%
Doanh thu thuần	2,738,605	103.04%	3,728,746	36.15%	4,096,780	9.87%
Giá vốn hàng bán	2,031,930	76.29%	2,520,351	24.04%	2,856,789	13.35%
Lợi nhuận gộp	706,675	260.22%	1,208,395	71.00%	1,239,991	2.61%
Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính	(53,368)	-1094.44%	(94,324)	76.74%	(118,966)	26.13%
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	40,369	0.00%	236,203	485.12%	274,100	16.04%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	612,939	280.28%	877,869	43.22%	846,924	-3.52%
Lợi nhuận từ các hoạt động khác	5,093	1047.32%	(3,236)	-163.54%	25,011	-872.87%
Lợi nhuận trước thuế	579,875	258.78%	928,748	60.16%	925,935	-0.30%
Lợi nhuận sau thuế	576,385	395.09%	933,076	61.88%	817,661	-12.37%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	571,901	391.24%	922,259	61.26%	814,612	-11.67%

Nguồn: PVD, HSC

Lịch sử hình thành và phát triển

1994 Thành lập Xí nghiệp Dịch vụ kỹ thuật dầu khí biển (PTSC Offshore) – Trực thuộc Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
26/11/2001 Thành lập Công ty Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí, đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
15/02/2006 Chuyển Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu thành Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí
28/09/2006 Thành lập Công ty Liên doanh BJ Services – PV Drilling
5/12/2006 Chính thức được niêm yết trên TTGDCK TP HCM
11/05/2007 Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí chuyển đổi mô hình thành công ty mẹ với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Ngành nghề kinh doanh

Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, cho thuê giàn khoan;
Cung ứng các loại vật tư, thiết bị cho các nhà thầu dầu khí.

Sản phẩm, dịch vụ và thị trường

Sản phẩm chủ lực: Trong 6 tháng đầu năm 2010, doanh thu từ dịch vụ cho thuê giàn khoan chiếm 52%, dịch vụ kỹ thuật giếng khoan chiếm 40%, thương mại chiếm 8%.

Thị trường: Khách hàng truyền thống trong nước là các nhà thầu dầu khí, công ty khoan trong và ngoài nước hiện đang hoạt động tại Việt Nam (như: Cuulong JOC, Petronas, JVPC, Hoanvu JOC, VietsovPetro, PIDC, Diamond Offshore, Transocean, Global Santa Fe v.v.).

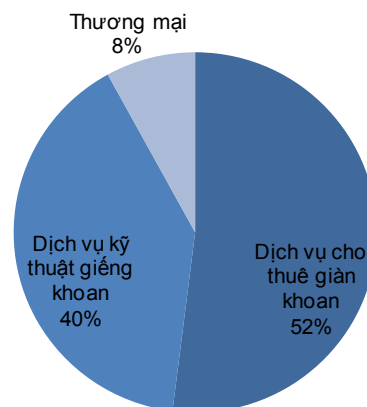
Vị thế công ty trong ngành

Hiện nay PV Drilling đang chiếm lĩnh phần lớn thị phần dịch vụ giàn khoan và giếng khoan tại Việt Nam với các dịch vụ thế mạnh: dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ cơ khí sửa chữa.

Chiến lược phát triển

Ưu tiên đầu tư phát triển các dịch vụ chuyên ngành là thế mạnh của công ty như dịch vụ khoan, dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, phát triển đội giàn khoan.
Đẩy mạnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực Công ty để làm chủ công nghệ mới, từng bước đưa người Việt Nam thay thế các chức danh phải thuê người nước ngoài.

Cơ cấu doanh thu 6 tháng đầu năm 2010



Nguồn: PVD

Hoạt động Cty	Ngày GD không hưởng quyền	Tổng tiền/1 cp (đồng)	Năm tài chính
Chia cổ tức bằng tiền mặt	3/12/2008	2,500	Đợt 1 năm 2008
Cơ cấu sở hữu tháng 8/2010		Số lượng cổ phiếu	%
Nhà nước		1,060,540,387,170	50.38%
Nước ngoài		589,633,510,215	28.01%
Cổ đông khác		454,908,252,615	21.61%
Thông tin liên hệ			
Trụ sở	Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Paster, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM		
Điện thoại	(84.8) 3914 2012		
Fax	(84.8) 3914 2021		
Website	www.pvdrilling.com.vn		
Vốn điều lệ vào ngày 31/8/2010	2,105,082,150,000 đồng		

SWOT

Điểm mạnh

- **Không có rủi ro tỷ giá:** Với hơn 90% doanh thu và khoảng 90% chi phí thực hiện bằng ngoại tệ, PVD không chịu rủi ro tỷ giá nào đáng kể;
- Tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính;
- **Quan hệ chặt chẽ với PV:** Là nhà thầu khoan duy nhất của PV, PVD sẽ được ưu tiên khi PV chọn nhà cung cấp dịch vụ khoan và các dịch vụ liên quan.

Điểm yếu

- Kinh nghiệm vận hành giàn khoan còn hạn chế;
- Hai giàn khoan mới được đầu tư khi thị trường giàn khoan đang ở đỉnh, dẫn tới chi phí đầu tư cao;
- Tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu là 2.4, quá cao so với một ngành nhiều rủi ro như ngành khoan. Gánh nặng nợ nần và trả lãi sẽ làm cạn kiệt dòng tiền của PVD và ngăn cản công ty thực hiện những cơ hội đầu tư mới.

Cơ hội

- PV có kế hoạch tăng chi tiêu cho khai thác và thăm dò để tăng lượng dự trữ. Với tư cách là nhà thầu khoan duy nhất trong tập đoàn, PVD có nhiều cơ hội để tăng doanh thu và mở rộng hoạt động cùng với sự phát triển của PV.

Thách thức

- Cạnh tranh gay gắt từ những nhà thầu khoan nước ngoài;
- **Ảnh hưởng của việc tăng lãi suất:** Với khoản nợ lên tới khoảng 330 triệu USD, lãi suất bằng lãi suất Libor, Sibor và lãi suất huy động USD trong nước cộng với một tỷ lệ chênh lệch, mọi thay đổi về lãi suất đều ảnh hưởng lớn tới kết quả lợi nhuận của PVD cả theo hướng tốt và hướng xấu.

	Tên	Chức danh
Hội đồng quản trị	ĐỖ ĐỨC CHIẾN	Chủ tịch HĐQT
	ĐOÀN ĐÌNH THÁI	Ủy viên Hội đồng quản trị
	PHẠM TIẾN DŨNG	Ủy viên Hội đồng quản trị
	KIỀU THỊ HOÀI MINH	Ủy viên Hội đồng quản trị
	LÊ VĂN BÉ	Ủy viên Hội đồng quản trị
	ĐINH THỊ THÁI	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát	DƯƠNG XUÂN QUANG	NA
	NGUYỄN THỊ THÙY	Trưởng ban kiểm soát
	PHÙNG NGUYỄN HẢI YẾN	Thành viên ban kiểm soát
Ban Giám đốc	NGUYỄN VĂN TỨ	Thành viên ban kiểm soát
	PHẠM TIẾN DŨNG	Tổng giám đốc
	HỒ NGỌC YẾN PHƯƠNG	Phó TGĐ
	TRẦN VĂN HOẠT	Phó TGĐ
	VĂN ĐỨC TÔNG	Phó TGĐ
	HỒ VŨ HẢI	Phó TGĐ
	ĐÀO NGỌC ANH	Phó TGĐ

Nguồn - PVD

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CẬP NHẬT

Thứ hai, ngày 23 tháng 08 năm 2010

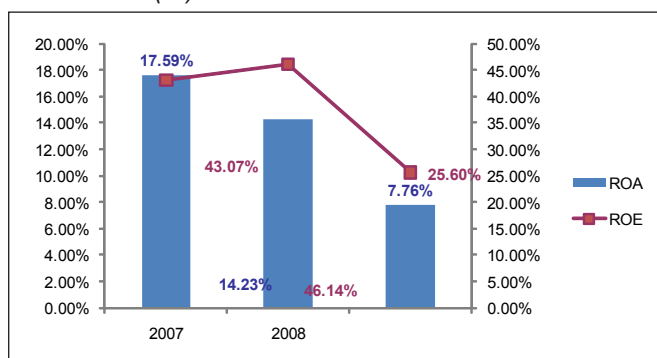
Đơn vị: triệu đồng

Bảng cân đối kế toán năm	2007	2008	2009
Tài sản ngắn hạn	1,670,515	2,065,295	2,564,985
Tiền & các khoản đương tiền	521,941	687,790	874,497
Đầu tư ngắn hạn	-	120,000	66,539
Các khoản phải thu	1,051,653	1,056,945	1,268,125
Hàng tồn kho	45,690	174,461	321,323
Tài sản ngắn hạn khác	51,231	26,098	34,501
Tài sản dài hạn	2,659,399	6,567,568	9,803,360
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
Tài sản cố định	2,534,750	6,272,698	9,420,069
Bất động sản đầu tư	-	-	-
Đầu tư dài hạn	66,419	245,120	132,229
Tài sản dài hạn khác	54,372	46,320	248,062
Lợi thế thương mại	3,857	3,429	3,000
Tổng tài sản	4,329,914	8,632,863	12,368,345
Nợ phải trả	1,968,628	6,008,458	8,123,017
Nợ ngắn hạn	672,054	3,892,010	2,495,123
Nợ dài hạn	1,296,574	2,116,449	5,627,893
Vốn chủ sở hữu	1,864,223	2,133,444	4,231,670
Vốn chủ sở hữu	1,830,446	2,113,824	4,225,407
Nguồn vốn khác & Quỹ	33,777	19,620	6,263
Lợi ích của cổ đông thiểu số	497,063	490,961	13,658
Tổng nguồn vốn	4,329,914	8,632,863	12,368,345
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	2007	2008	2009
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-	-	-
Lưu chuyển tiền từ HĐ đầu tư	-	-	-
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-	-	-
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	-	-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	-	-	-
Tốc độ tăng trưởng (%)	2007	2008	2009
Tốc độ tăng trưởng doanh thu	103.04%	36.15%	9.87%
Tốc độ tăng trưởng LN trước thuế	258.78%	60.16%	-0.30%
Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	395.09%	61.88%	-12.37%
Kế hoạch kinh doanh năm 2010			
Doanh thu (triệu đồng)			6,500,000
Tăng trưởng so với năm 2009 (%)			46%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)			810,000
Tăng trưởng so với năm 2009 (%)			0%

Các chỉ tiêu liên quan đến định giá	23/08/2010		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	210,508,215		
Thị giá	42,100		
Vốn hóa thị trường (triệu đồng)	8,862,396		
	2007	2008	2009
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110,139,730	132,167,504	210,508,215
Số lượng CP đang lưu hành bình quân	6,800,000	110,139,730	132,167,504
EPS (đồng)	84,103	8,374	6,163
P/E	0.50	5.03	6.83
EV/EBITDA	13.48	13.20	12.86
BVPS (đồng)	16,375	14,882	19,380
P/B	2.57	2.83	2.17
Doanh thu/ 1 cp (đồng)	402,736	33,855	30,997
Giá/doanh thu	0.10	1.24	1.36
DPS (đồng)	-	-	-
Cổ tức/Giá	0.00%	0.00%	0.00%
Cổ tức/LN sau thuế	0%	-	-
Hiệu quả hoạt động	2007	2008	2009
Vòng quay các khoản phải thu	3.76	3.58	3.72
Vòng quay hàng tồn kho	36.85	22.90	11.52
Vòng quay các khoản phải trả	5.92	3.17	2.48
Vòng quay tổng tài sản	0.84	0.58	0.39
Khả năng thanh khoản	2007	2008	2009
Hệ số thanh toán hiện hành	2.49	0.53	1.03
Hệ số thanh toán nhanh	2.42	0.49	0.90
Hệ số thanh toán bằng tiền	0.78	0.21	0.38
Khả năng sinh lời (%)	2007	2008	2009
Lợi nhuận biên gộp	25.80%	32.41%	30.27%
Lợi nhuận biên trước thuế	21.17%	24.91%	22.60%
Lợi nhuận biên sau thuế	20.88%	24.73%	19.88%
ROA	17.59%	14.23%	7.76%
ROE	43.07%	46.14%	25.60%
Phân tích Dupont	2007	2008	2009
Lợi nhuận biên sau thuế	20.88%	24.73%	19.88%
Vòng quay tổng tài sản	0.84	0.58	0.39
Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu	2.45	3.24	3.30
ROE	43.07%	46.14%	25.60%
Cơ cấu vốn	2007	2008	2009
Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.06	2.82	1.92
Nợ/Tổng tài sản	0.45	0.70	0.66

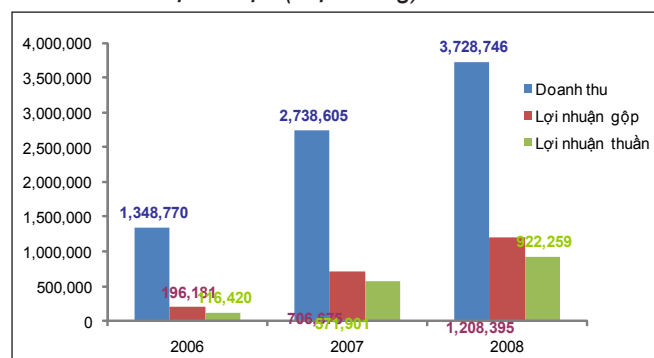
Nguồn - PVD, HSC

ROA - ROE (%)



Nguồn - PVD, HSC

Doanh thu - Lợi nhuận (triệu đồng)



Nguồn - PVD, HSC

Đơn vị tính: Triệu đồng

Bảng cân đối kế toán quý	Q4 2008	Q1 2009	Q2 2009	Q3 2009	Q4 2009	Q1 2010	Q2 2010
Tài sản ngắn hạn	2,709,261	2,343,388	2,201,482	2,542,605	2,502,640	3,028,102	-
Tiền & các khoản đương tiền	812,890	1,194,111	1,165,855	1,313,288	879,027	713,348	-
Đầu tư ngắn hạn	-	72,000	-	16,978	22,000	51,716	-
Các khoản phải thu	1,711,855	945,701	876,766	1,010,030	1,262,603	1,920,497	-
Hàng tồn kho	159,016	107,285	109,704	157,226	303,521	300,858	-
Tài sản ngắn hạn khác	25,500	24,291	49,157	45,084	35,490	41,684	-
Tài sản dài hạn	5,966,235	7,091,722	8,628,238	8,578,006	9,902,136	9,677,682	-
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản cố định	5,673,244	6,784,266	8,285,659	8,329,756	9,478,218	9,310,524	-
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	229,439	254,024	262,201	142,458	174,195	131,011	-
Tài sản dài hạn khác	60,123	50,111	77,165	102,685	246,723	233,254	-
Lợi thế thương mại	3,428	3,321	3,214	3,107	3,000	2,893	-
Tổng tài sản	8,675,496	9,435,110	10,829,720	11,120,611	12,404,776	12,705,784	-
Nợ phải trả	6,048,083	6,542,983	7,659,054	7,769,207	8,162,261	8,353,777	-
Nợ ngắn hạn	3,931,586	1,793,669	2,166,953	1,723,880	2,590,091	2,366,183	-
Nợ dài hạn	2,116,497	4,749,314	5,492,101	6,045,328	5,572,170	5,987,594	-
Vốn chủ sở hữu	2,139,600	2,389,249	2,644,425	2,824,895	4,228,716	4,338,198	-
Vốn chủ sở hữu	2,116,513	2,366,947	2,625,098	2,801,599	4,222,453	4,336,946	-
Nguồn vốn khác & Quỹ	23,087	22,302	19,327	23,296	6,263	1,252	-
Lợi ích của cổ đông thiểu số	487,813	502,878	526,241	526,509	13,799	13,809	-
Tổng nguồn vốn	8,675,496	9,435,110	10,829,720	11,120,611	12,404,776	12,705,784	-

Báo cáo KQ hoạt động kinh doanh quý	Q4 2008	Q1 2009	Q2 2009	Q3 2009	Q4 2009	Q1 2010	Q2 2010
Doanh thu thuần	1,088,904	994,842	809,907	1,056,013	1,236,018	1,209,978	-
Giá vốn hàng bán	775,819	638,013	509,315	731,361	969,949	958,572	-
Lợi nhuận gộp	313,085	356,829	300,592	324,652	266,069	251,406	-
Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính	(64,368)	2,563	(3,305)	23,197	(151,261)	(65,796)	-
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	108,015	47,731	52,516	50,479	113,269	67,284	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	140,703	311,661	244,771	297,370	1,538	118,326	-
Lợi nhuận từ các hoạt động khác	2,256	(3,148)	40,703	(14,084)	25,832	(8,665)	-
Lợi nhuận trước thuế	142,959	308,513	285,474	283,286	39,106	114,319	-
Lợi nhuận sau thuế	177,843	290,712	273,091	207,397	28,341	92,660	-
LN sau thuế của cổ đông công ty mẹ	175,066	287,693	271,477	202,292	27,260	92,453	-

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi HSC hoặc một trong các chi nhánh để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài. Các thông tin trong báo cáo được HSC xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy. Tuy nhiên, ngoài những thông tin về chính Công ty, HSC không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong báo cáo này. Các ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Giá cả và các công cụ tài chính có thể thay đổi mà không báo trước. HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này.

Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Cán bộ của HSC có thể có các lợi ích tài chính đối với các chứng khoán và các công cụ tài chính có liên quan được đề cập trong báo cáo. Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu cung cấp những thông tin khái quát. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá chứng khoán luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Các công cụ tài chính được đề cập trong báo cáo có thể sẽ không phù hợp với tất cả nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình bằng cách tham khảo các nhà tư vấn tài chính độc lập nếu cần thiết và dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này.



TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 1, 2 & 3, Tòa nhà Capital Place
6 Thái Văn Lung, Quận 1, TPCHM
T : (+84 8) 3 823 3299
F : (+84 8) 3 823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

6 Lê Thánh Tông
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
T : (+84 4) 3 933 4693
F : (+84 4) 3 933 4822

E: infor@hsc.com.vn **W**: www.hsc.com.vn